



BÁO CÁO | 2020

THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG	05
02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ 2016 - 2020	13
03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
04 ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
05 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	39
06 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ HUY ĐỘNG VỐN 2021 – 2025	45
07 KẾ HOẠCH NĂM 2021	51
08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH	

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
NAM VIỆT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ

18F Tầng Nhơn Phú, P. Phước Long B,
Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Mã cổ phiếu

NAV

Điện thoại

028 3728 2102

Số fax

028 3731 3641

Website

www.navifico.vn

Mail

naviinfo@navifico-corp.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302205973, đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 03 năm 2021

Vốn điều lệ

80.000.000.000 đồng

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Nam Việt (NAVIFICO) tiền thân là Công ty Nam Việt thành lập năm 1963.
- Năm 1975, NAVIFICO chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm 2001, trở thành Công ty cổ phần Nam Việt
- 22/12/2006 cổ phiếu công ty được niêm yết giao dịch tại HOSE (Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Các sự kiện khác:

- CTCP Nam Việt là thành viên tổ chức Hội thảo quốc tế về vật liệu composite vô cơ sợi gia cường tên quốc tế là IIBCC 2014 tại Việt Nam.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề
 - Sản xuất chế biến gỗ, cho thuê kho bãi.
- Địa bàn
 - Thị trường trong nước và xuất khẩu; chủ yếu là các quốc gia châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật, Úc.

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị

Quản trị theo mô hình 1 tại điều 137 Luật Doanh Nghiệp 2020
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)
Ban Kiểm Soát (BKS)
Ban Tổng Giám Đốc (BTGD)

Cơ cấu tổ chức và quản lý

Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Gỗ Nam Việt
- Phòng ban chức năng
- Văn Phòng Công ty
- Phòng Kế toán Tài chính

Công ty liên kết

• Công ty cổ phần phát triển Sài Gòn (SDC); CTCP Nam Việt đầu tư tài chính chiếm 38,33% vốn điều lệ của SDC

• Thông tin SDC:

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng
Địa chỉ: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
Nhà máy: 65 đường 12 khu phố Long Sơn, phường Long Bình, TP Thủ Đức, TP. HCM.
Lĩnh vực sản xuất: Tràm nghiền xi măng, sản xuất chế biến gỗ.

• Mục tiêu chủ yếu của công ty: ngưng các hoạt động sản xuất tại 18F Tầng Nhơn Phú, bảo toàn vốn và gia tăng giá trị cổ phần giao dịch của công ty.

• Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Chủ đầu tư dự án bất động sản 18F Tầng Nhơn Phú, phường Phước Long B, TP Thủ Đức.

• Mục tiêu phát triển bền vững: Đầu tư tài chính các ngành nghề ổn định, bền vững, tổ chức thực hiện các biện pháp an sinh, an toàn, bảo vệ môi sinh, môi trường theo các qui chuẩn hiện hành.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

5. CÁC RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Rủi ro tuân thủ:

- Sự thay đổi các chính sách của Nhà nước về Quy hoạch sử dụng đất đã điều chỉnh mục tiêu kinh doanh của công ty: Công ty chọn mục tiêu kinh doanh phù hợp với Quy Hoạch SDĐ của Thành phố Thủ Đức.
- Thu hẹp hoạt động sản xuất, gia tăng hoạt động dịch vụ kho bãi, thương mại.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản
- Các qui định tiêu chuẩn về ATLĐ, PCCC, Môi trường...

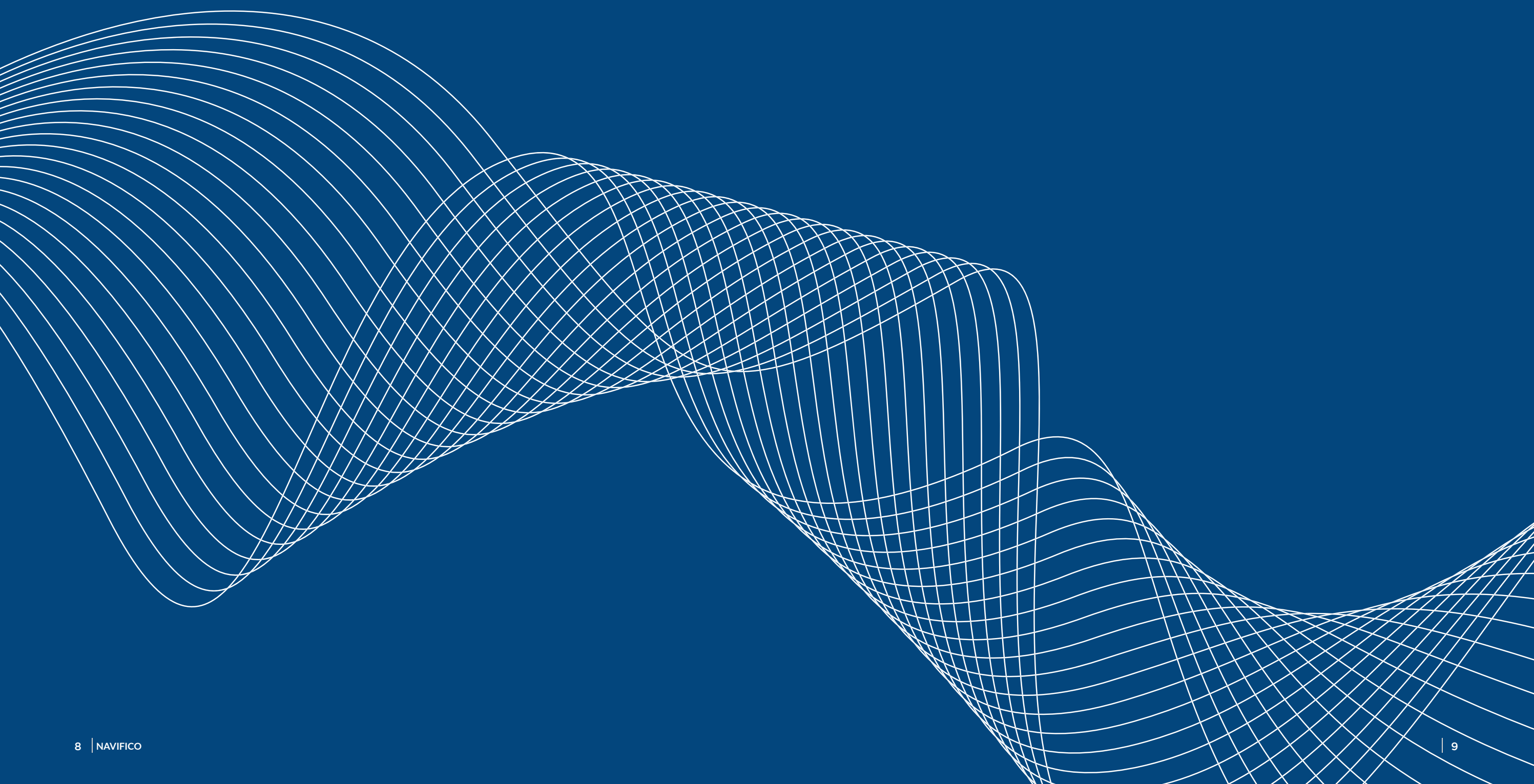
Rủi ro trong kinh doanh

- Rủi ro trong việc thanh kiểm tra nghĩa vụ tài chính.
 - Rủi ro về nhà cung ứng và khách hàng.
 - Rủi ro về chính sách tài chính, tín dụng, tỷ giá.
- Cụ thể:
- Hoạt động cho thuê kho bãi và hạ tầng giao thông khu vực và mật độ giao thông đi qua khu dân cư .
 - Hoạt động đầu tư tài chính:
- Đầu tư tài chính các ngành nghề ổn định, bền vững
Sử dụng tiền nhàn rỗi gửi ngân hàng như giải pháp tạm
Khoản đầu tư tài chính tại SDC, là khoản đầu tư đã và đang đóng góp tốt vào thu nhập tài chính của công ty.

Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các chi phí duy trì hoạt động



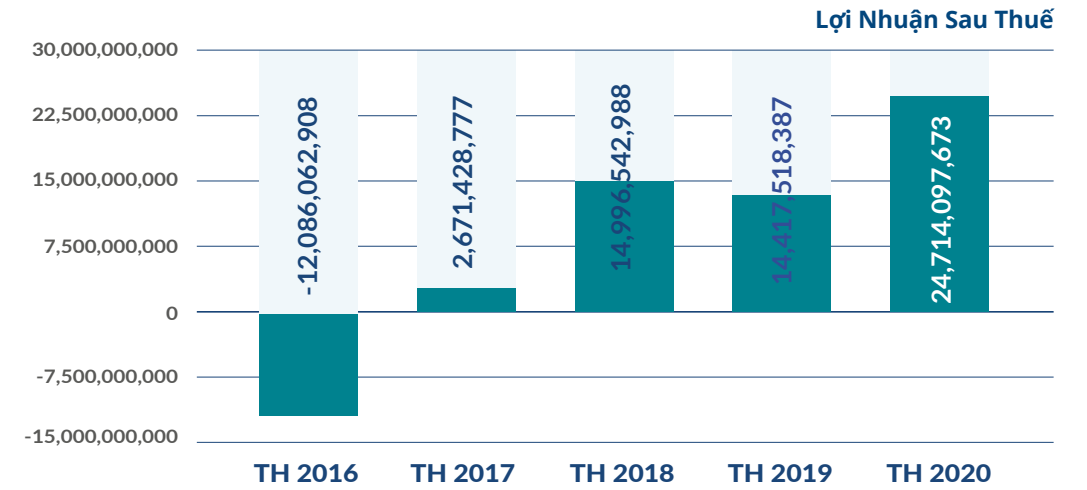
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ 2016 -2020



Năm 2020 là năm kết thúc của nhiệm kỳ 2016-2020, chúng ta cần điểm qua một số kết quả kinh doanh trong giai đoạn này.

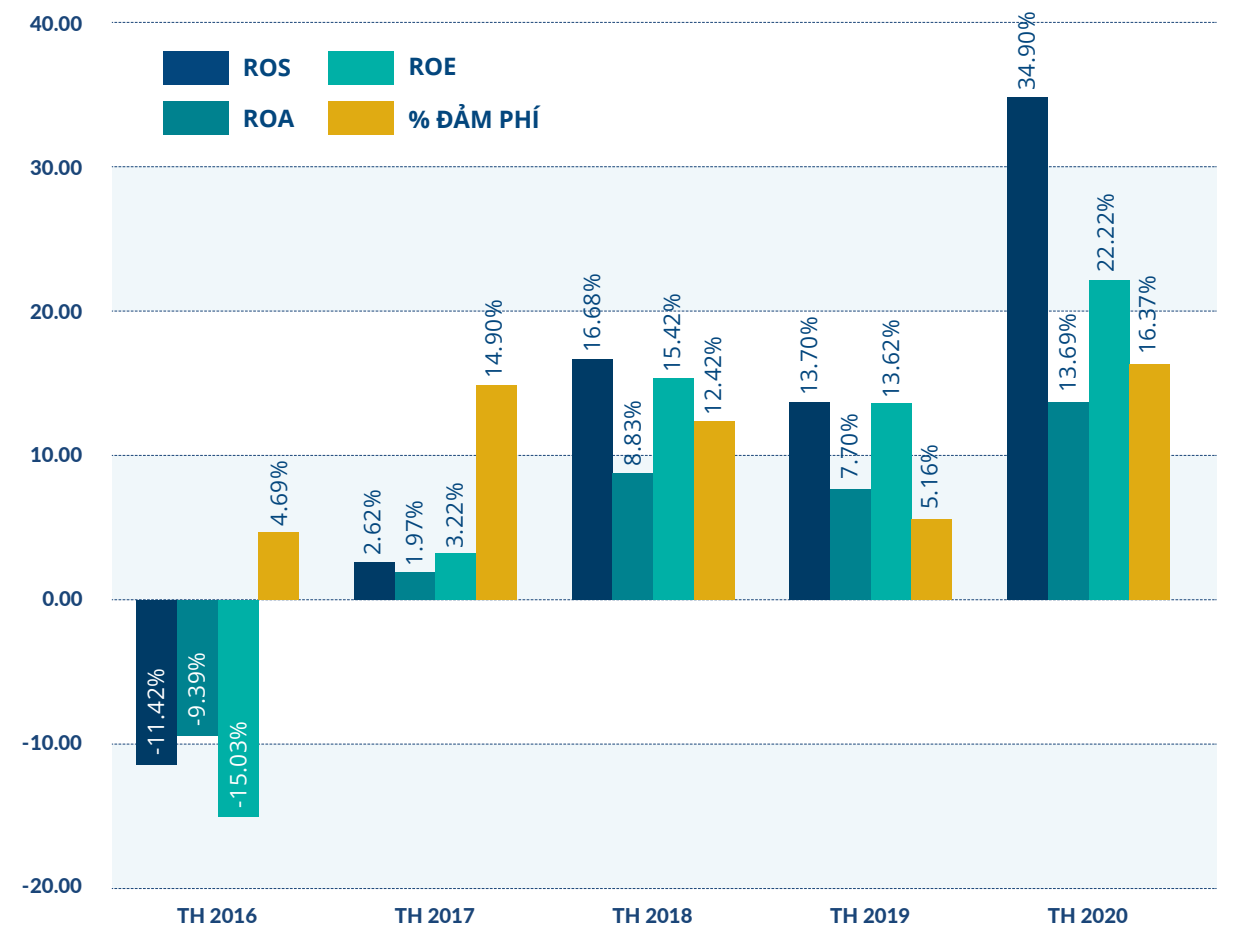
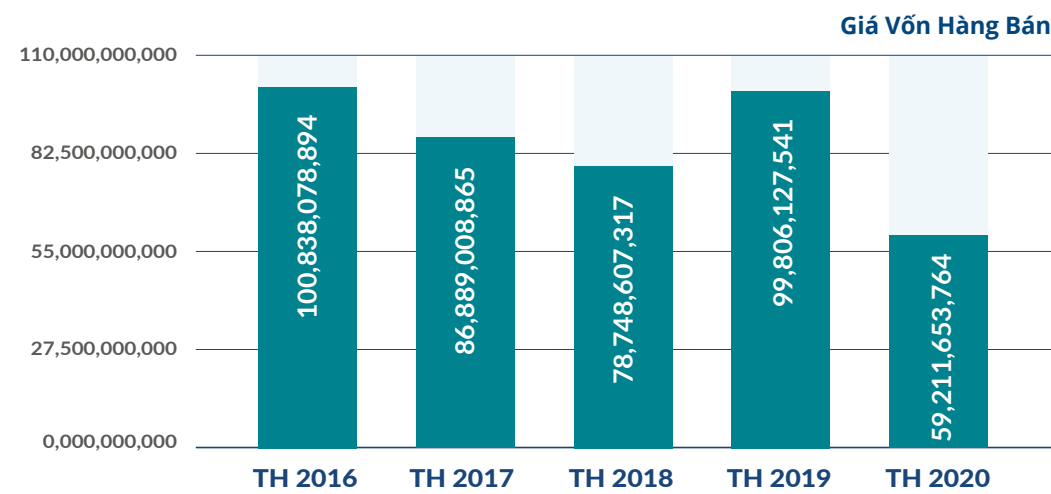
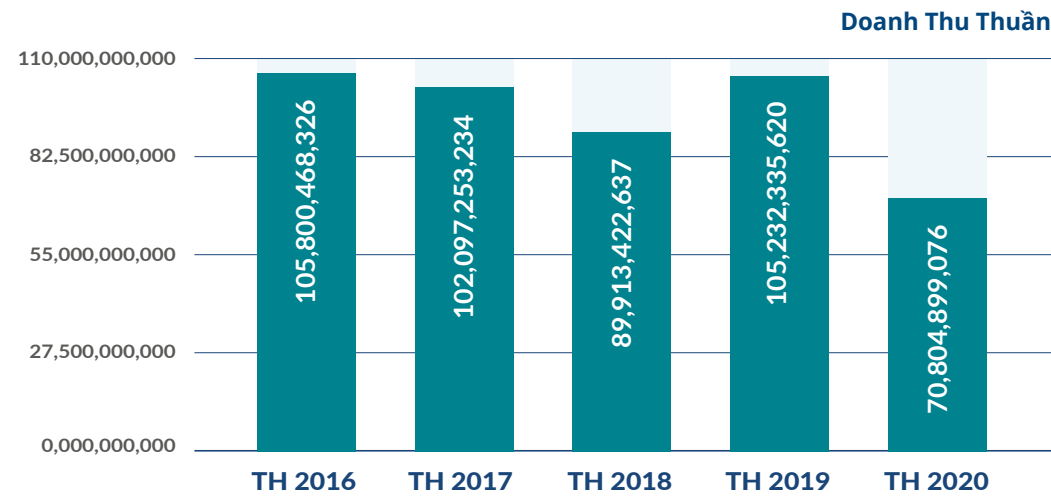
1. TÌNH HÌNH KINH DOANH

	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2020
Doanh Thu Thuần	105,800,468,326	102,097,253,234	89,913,422,637	105,232,335,620	70,804,899,076
Giá Vốn Hàng Bán	100,838,078,894	86,889,008,865	78,748,607,317	99,806,127,541	59,211,653,764
Lợi Nhuận Sau Thuế	(12,086,062,908)	2,671,428,777	14,996,542,988	14,417,518,387	24,714,097,673
ROS	-11.42%	2.62%	16.68%	13.70%	34.90%
ROA	-9.39%	1.97%	8.83%	7.70%	13.69%
ROE	-15.03%	3.22%	15.42%	13.62%	22.22%
% đảm phí	4.69%	14.90%	12.42%	5.16%	16.37%



Năm 2016 là năm đầu tiên kể từ ngày thành lập, hoạt động kinh doanh thua lỗ do các nguyên nhân chủ quan trong chỉ đạo kỹ thuật và vận hành công ty; ảnh hưởng kéo dài 2016-2018 từng bước được khắc phục, sau các quyết sách nhân sự, thay đổi bộ máy điều hành.

Kết thúc nhiệm kỳ 2016-2020 công ty đã vượt qua thời kỳ sóng gió (có cả đại dịch Covid 19) đến thời điểm này.

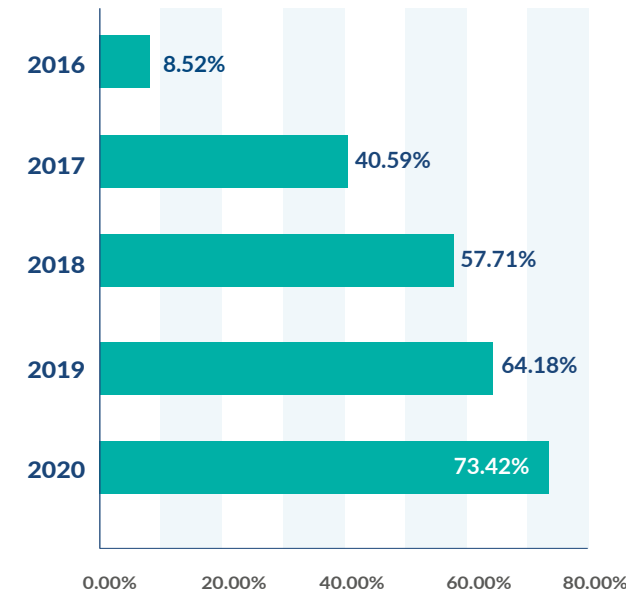


2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

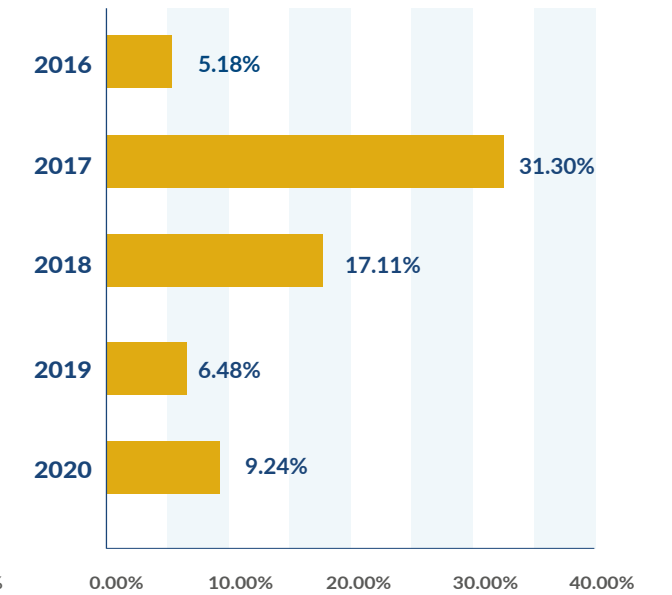
	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Tiền Mặt	971,061,467	4,954,478,894	4,037,550,721	3,245,292,406	37,539,456,230
Tiền Gửi Kỳ Hạn	10,000,000,000	50,000,000,000	94,000,000,000	117,000,000,000	95,000,000,000
Tổng Tài Sản	128,780,235,680	135,381,506,085	169,890,777,239	187,351,156,939	180,525,356,379
Lượng Tiền Trong Cơ Cấu Tài Sản Hàng Năm	8.52%	40.59%	57.71%	64.18%	73.42%
Gia Tăng Lượng Tiền Trong Cơ Cấu Tài Sản So Năm Trước	5.18%	31.30%	17.11%	6.48%	9.24%
Dư Nợ Vay Ngân Hàng	22,754,196,323	-	-	-	-

(*) Đạt mục tiêu tập trung tích lũy vốn bằng tiền trong Tổng tài sản công ty khi chưa có nhu cầu đầu tư mới

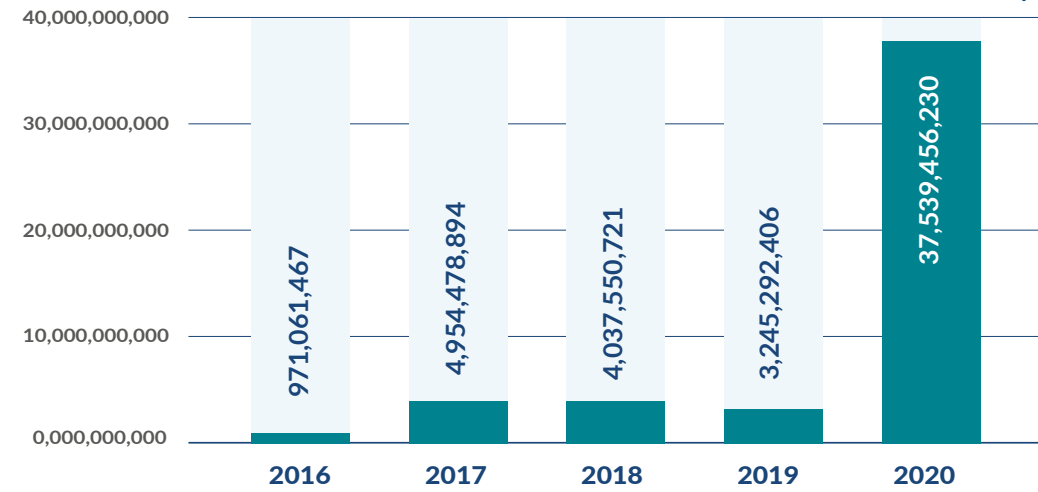
Lượng Tiền Trong Cơ Cấu Tài Sản Hàng Năm



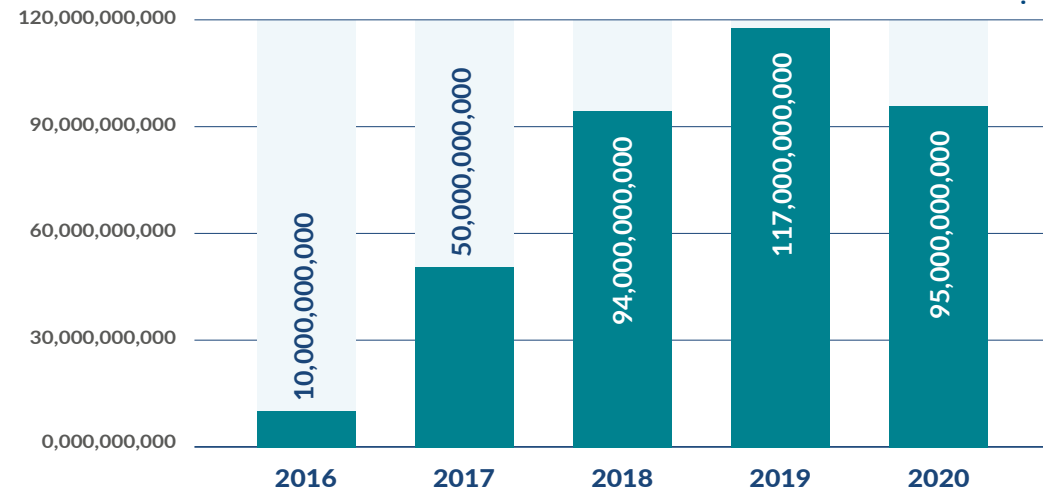
Gia Tăng Lượng Tiền Trong Cơ Cấu Tài Sản So Năm Trước



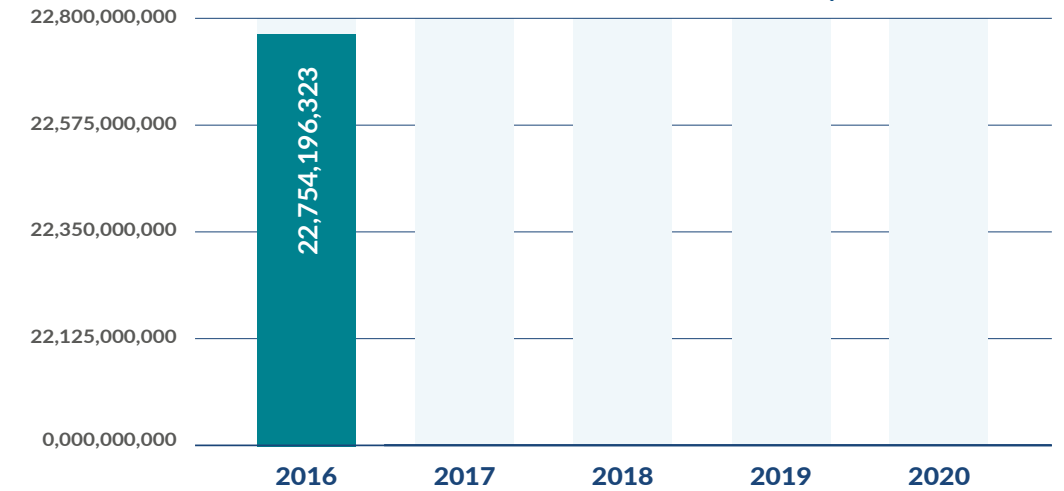
TIỀN MẶT



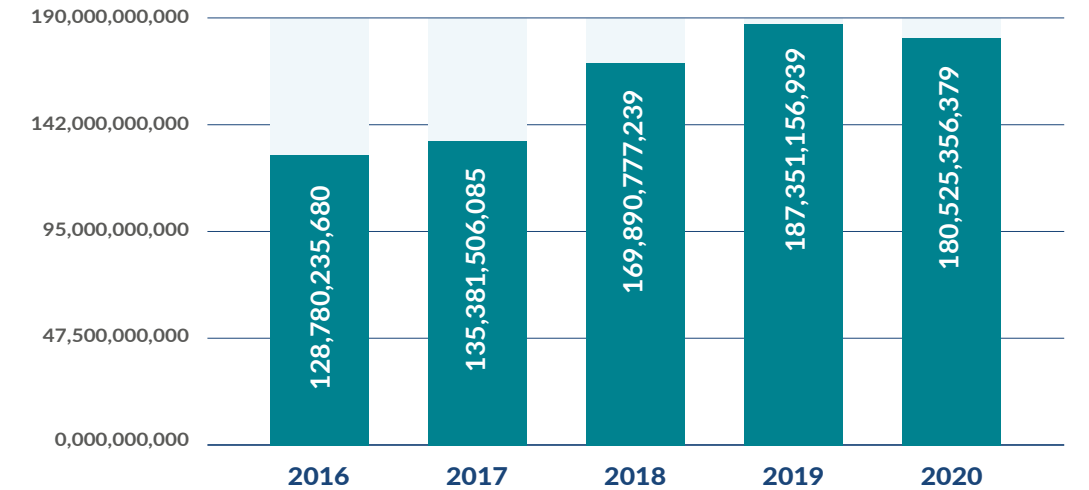
TIỀN GỬI KỲ HẠN



DƯ NỢ VAY NGÂN HÀNG



TỔNG TÀI SẢN

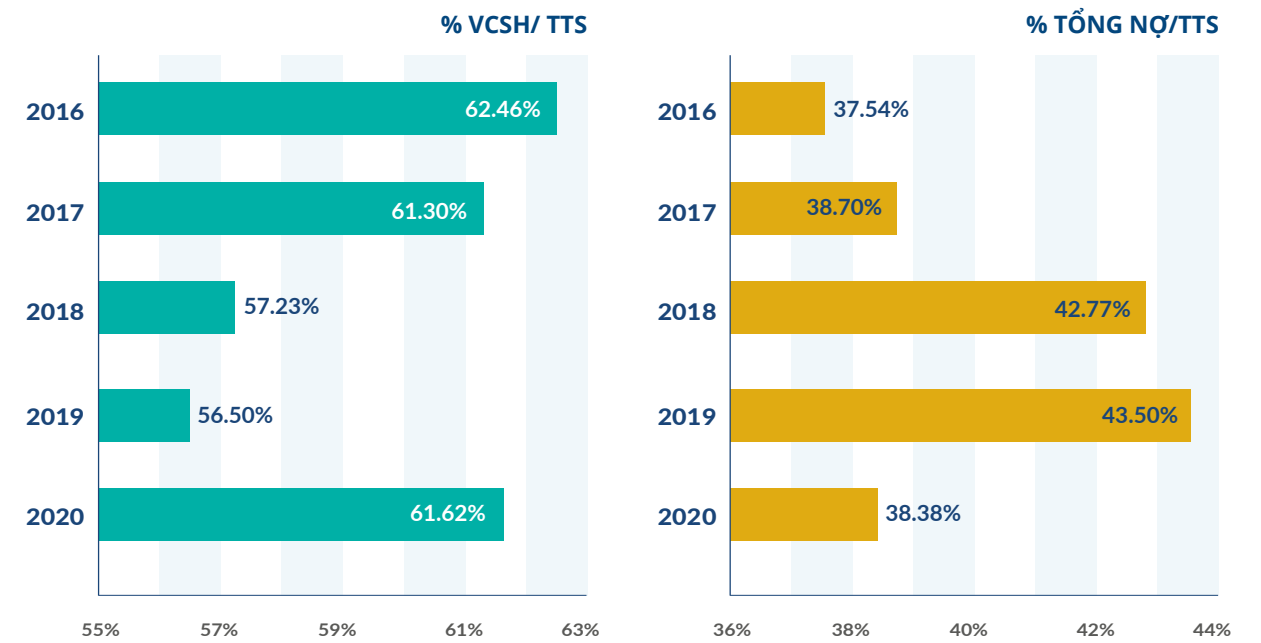
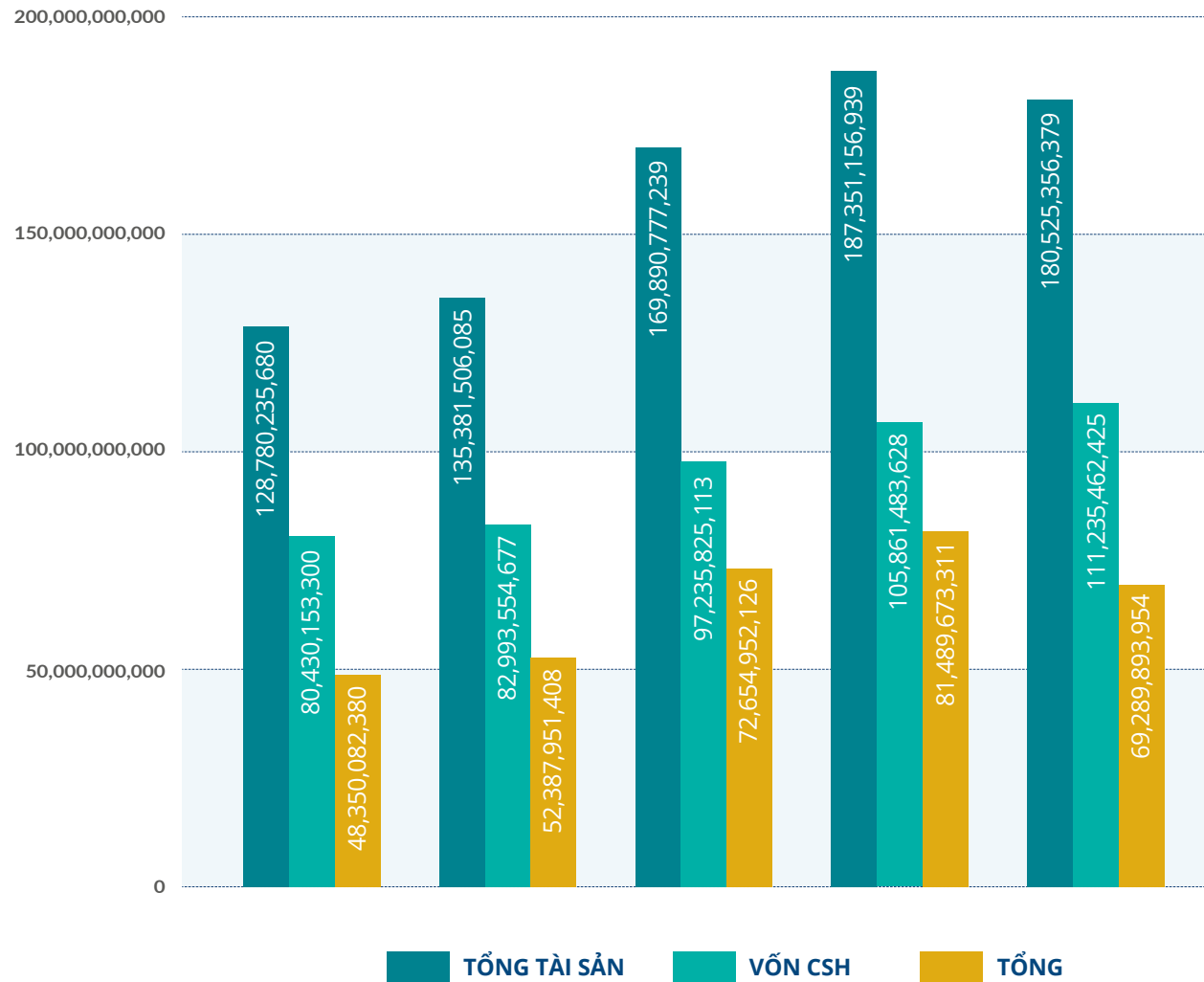


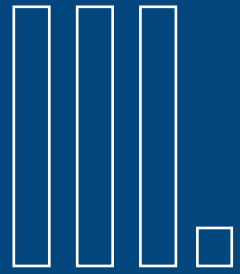
3. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2020
Tổng tài sản	128,780,235,680	135,381,506,085	169,890,777,239	187,351,156,939	180,525,356,379
Vốn CSH	80,430,153,300	82,993,554,677	97,235,825,113	105,861,483,628	111,235,462,425
	48,350,082,380	52,387,951,408	72,654,952,126	81,489,673,311	69,289,893,954
% VCSH/ TTS	62.46%	61.30%	57.23%	56.50%	61.62%
% tổng nợ/ TTS	37.54%	38.70%	42.77%	43.50%	38.38%

Các việc cần tiến hành ngay:

- Liên hệ với Sở Tài nguyên môi trường để gia hạn Hợp đồng thuê đất
- Xây dựng Kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. TÌNH HÌNH KINH DOANH 2020

Năm 2020, tình hình kinh tế thế giới gặp khá nhiều khó khăn do dịch bệnh, Việt Nam tiếp tục là một trong những quốc gia tăng trưởng ổn định trong khu vực ASEAN và ngày càng khẳng định vị thế của mình.

Chỉ Tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	So 2019	% So 2019
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105,232,335,620	70,804,899,076	(34,427,436,544)	67.28%
Tổng lợi nhuận trước thuế	14,417,518,387	27,085,993,461	12,668,475,074	187.87%

(*) Doanh thu giảm sâu so cùng kỳ trước do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19.

So chỉ tiêu ĐHCĐ 2020 giao phó:

Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ 2020	TH 2020	So sánh (+/-)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106,000,000,000	70,804,899,076	66.80%
Tổng lợi nhuận trước thuế	18,000,000,000	27,085,993,461	150.48%

Doanh thu chỉ đạt 66,80% so KH, nhưng Công ty Cổ phần Nam Việt vẫn hoàn thành mục tiêu lợi nhuận trước thuế 150,48% so KH

Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020
Tổng giá trị tài sản	187,351,156,939	180,525,356,379
Doanh thu thuần	105,232,335,620	70,804,899,076
Giá vốn hàng bán	99,806,127,541	59,211,653,764
Lợi nhuận gộp	5,426,208,079	11,593,245,312
Lợi nhuận trước thuế	14,417,518,387	27,085,993,461
Lợi nhuận sau thuế	14,417,518,387	24,714,097,673
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18.02%	30.89%

(*) Duy trì khả năng chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHCĐ 2020

Thông qua các biện pháp nghiệp vụ:
 • Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động, tổ chức thanh lý các vật tư, hàng hóa, tài sản cố định không còn phù hợp, tận dụng mặt bằng kinh doanh kho bãi, Logistics nhằm gia tăng nguồn thu kinh doanh dịch vụ.
 • Thực hiện theo các Quyết định của Thủ Tướng Chính phủ số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/04/2003, số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 và số 1469/QĐ-TTg ngày 22/08/2014 và kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi nội đô của UBND TP.HCM, Công ty CP Nam Việt đã không ngừng nỗ lực triển khai việc ngừng hoạt động sản xuất gỗ tại thời điểm 31/12/2020 và tiến hành thanh lý MMTB, vật tư, hàng hóa, giải quyết chế độ trợ cấp mất việc cho người lao động.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều Hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
 Bà **Nguyễn Thị Hương Ngân**
 Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
 Ông **Tôn Thất Mạnh**
 Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
 Ông **Đào Nguyên Thoại**
 Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
 Ông **Hoàng Kiều Phong**
 Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
 Ông **Nguyễn Minh Triết**

BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban Kiểm Soát
 Ông **Nguyễn Ngọc Phi**
 Thành Viên Ban Kiểm Soát
 Ông **Nguyễn Tôn Nhân**
 Thành Viên Ban Kiểm Soát
 Ông **Nguyễn Đình Minh**

- (*) Ông Vũ Hải Bằng từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT 01.01.2020
- (*) Ông Nguyễn Quang Hưng được HĐQT tín nhiệm bầu làm chủ tịch kể từ ngày 10.01.2020
- (*) Ông Nguyễn Quang Hưng từ nhiệm TV HĐQT 01/07/2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám Đốc
 Ông **Tôn Thất Mạnh**
 Phó Tổng Giám Đốc
 Ông **Phạm Minh Tuyển**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà **Trần Thị Mỹ Thạnh**
 kiêm Người phụ trách QTCT
 từ 31/12/2020

- (*) Ông Tôn Thất Mạnh từ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc 30/9/2020
- (*) Ông Hoàng Quốc Khánh đảm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc 01/10/2020
- (*) Ông Phạm Minh Tuyển thôi chức danh Phó TGD từ 31/10/2020

3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2020
 29 người

Phân loại theo trình độ chuyên môn

Sau đại học	1 người
Đại học	8 người
Cao đẳng	1 người
Trung cấp	3 người
Công nhân lành nghề	16 người

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần phổ thông
 Cơ cấu cổ đông theo thống kê từ Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

• Cổ đông tổ chức	20,134 %
• Cổ đông cá nhân	79,866 %
• Cổ đông trong nước	99,105 %
• Cổ đông nước ngoài	0,895 %
• Cổ đông nhà nước	20 %
• Các cổ đông khác	80 %

5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2020

Trong năm tài chính 2020 là sự gia tăng nhanh của khoản vốn bằng tiền, năm 2019 chiếm tỷ trọng 64,18 % tổng tài sản; năm 2020 tỷ trọng này là 73,42 %, tăng 9,24% so cùng kỳ.

	31/12/2019	31/12/2020
Tiền mặt	3,245,292,406	37,539,456,230
Tiền gửi kỳ hạn	117,000,000,000	95,000,000,000
Tổng tài sản	187,351,156,939	180,525,356,379
Lượng tiền trong cơ cấu tài sản hàng năm	64.18%	73.42%
Gia tăng lượng tiền trong cơ cấu tài sản so năm trước	6.48%	9.24%

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	đvt	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1.70	2.14
Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	lần	1.52	1.88
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41.85%	34.78%
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	74.07%	56.44%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	lần	7.4	4.0
Vòng quay tổng tài Sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	đồng	0.56	0.38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	ROS	13.70%	34.90%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	ROE	13.62%	22.22%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	ROA	7.70%	13.69%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	GOS	5.16%	16.37%

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Việc tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, năm 2020 Công ty không phát sinh vi phạm nào về lĩnh vực này.



N

**ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

1. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản Trị công ty đã:

- Tuân thủ qui định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ và Quy chế nội bộ công ty.
- Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm soát theo đúng chức năng quyền hạn nhiệm vụ được qui định.
- Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo Ban điều hành công ty tập trung mọi hoạt động công ty cho mục tiêu bảo toàn vốn và thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2020,
- Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo Ban điều hành công ty kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT VÀ SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ (ĐẾN 31/12/2020)

Bà Nguyễn Thị Hương Ngân
Chức danh: Chủ tịch HĐQT
Trình độ văn hóa: 12/12
Số cổ phần năm giữ: 2.568.442
Tỷ lệ: 32,11%
Trình độ chuyên môn: Đại học
Tham gia: không điều hành
Các chức danh khác:
 • Cty cổ phần SOLAR AG: Giám đốc
 • Cty cổ phần MGA Việt Nam: Giám đốc

Ông TÔN THẮT MẠNH
Chức danh: TV HĐQT
Trình độ văn hóa: 12/12
Số cổ phần năm giữ: -
Tỷ lệ: 0,00%
Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD
Tham gia: không điều hành
Các chức danh khác:
 CT HĐQT CTCP Phát Triển SAIGON

Ông Hoàng Kiều Phong
Chức danh: TV HĐQT
Trình độ văn hóa: 12/12
Số cổ phần năm giữ: 804.226
Tỷ lệ: 10,05%
Trình độ chuyên môn: CAO HỌC QTKD
Tham gia: không điều hành
Các chức danh khác:
 - Cty TNHH SX DOH: Chủ tịch HĐQT
 - Cty TNHH Tiến Triển Việt Nam: Phó TGD.
 - Cty TNHH Cơ khí và Ngũ Kim Quang Minh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Ông Đào Nguyên Thoại
Chức danh: TV HĐQT
Trình độ văn hóa: 12/12
Số cổ phần năm giữ: -
Tỷ lệ: 0,00%
Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT
Tham gia: không điều hành
Các chức danh khác:
 TP Tổ chức nhân sự
 CTTNHH MTV TCTXD Saigon

Ông Nguyễn Quang Hưng
Chức danh: TV HĐQT
Trình độ văn hóa: 12/12
Số cổ phần năm giữ: -
Tỷ lệ: 0,00%
Trình độ chuyên môn: Đại học
Tham gia: không điều hành
Các chức danh khác:
 CT HĐQT CTCP Đầu Tư VIỆT HẢI

Ông Nguyễn Minh Triết
Chức danh: TV HĐQT
Trình độ văn hóa: 12/12
Số cổ phần năm giữ: -
Tỷ lệ: 0,00%
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Tham gia: không điều hành
Các chức danh khác:
 Cty cổ phần MGA Việt Nam: Giám đốc kinh doanh

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổ chức họp định kỳ hàng quý và đột xuất khi có yêu cầu của Thành viên HĐQT, BKS hoặc Ban điều hành công ty nhằm có biện pháp xử lý kịp thời các vướng mắc và ban hành các chủ trương thực hiện

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2020/NQ-HĐQT-NAV	03/01/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận đơn từ nhiệm Ông Vũ Hải Bằng
2	02-2020/NQ-HĐQT-NAV	10/01/2020	Nghị quyết về việc các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt thống nhất phân công Ông Nguyễn Quang Hưng đảm nhiệm vai trò chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 10/01/2020
3	01-2020/QĐ-HĐQT-NAV	12/03/2020	Quyết định về việc thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
4	03-2020/ NQ-HĐQT-NAV	12/03/2020	Nghị quyết về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
5	04-2020/NQ-HĐQT-NAV	12/03/2020	V/v Thông qua các tài liệu trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
6	05-2020/NQ-HĐQT-NAV	25/05/2020	Nghị quyết v/v Bà Nguyễn Thị Hương Ngân làm Chủ tịch HĐQT
7	06-2020/NQ-HĐQT-NAV	25/05/2020	Nghị quyết v/v chi bổ sung cổ tức năm 2019
8	07-2020/NQ-HĐQT-NAV	25/05/2020	Nghị quyết v/v chi tạm ứng cổ tức năm 2020
9	08-2020/NQ-HĐQT-NAV	25/05/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt đơn giá tiền lương 2020
10	09-2020/NQ-HĐQT-NAV	30/07/2020	Nghị quyết về việc chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2020
11	10-2020/NQ-HĐQT-NAV	30/07/2020	Nghị quyết về việc Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
12	11-2020/NQ-HĐQT-NAV	30/07/2020	Nghị quyết về việc Thông qua các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
13	02-2020/QĐ-HĐQT-NAV	10/08/2020	Quyết định về việc thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020
14	12-2020/NQ-HĐQT-NAV	05/09/2020	Nghị quyết HĐQT về việc Bổ nhiệm Ông Hoàng Quốc Khánh làm Tổng Giám Đốc.
15	03-2020/QĐ-HĐQT-NAV	01/10/2020	Quyết định HĐQT về việc Bổ nhiệm Ông Hoàng Quốc Khánh làm Tổng Giám Đốc từ ngày 01/10/2020
16	13-2020/NQ-HĐQT-NAV	30/12/2020	Nghị quyết HĐQT về việc Bổ nhiệm Bà Trần Thị Mỹ Thanh là Người phụ trách Quản Trị Công ty

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Từ nhận định các rủi ro trong kinh doanh, HĐQT đã đi đến những quyết định:

- Vốn hóa bằng tiền toàn bộ tài sản công ty
- Nghiên cứu định hướng công ty giai đoạn 2021-2025

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khóa đào tạo về quản trị công ty

HỌ TÊN	Chức danh	Đã tham dự hội thảo QTCT do [IFC & SGDCK]	Chưa có chứng chỉ QTCT
Bà Nguyễn Thị Hương Ngân	CT HĐQT		
Ông Tôn Thất Mạnh	TV HĐQT		
Ông Đào Nguyên Thoại	TV HĐQT		
Ông Hoàng Kiều Phong	TV HĐQT		
Ông Nguyễn Minh Triết	TV HĐQT		



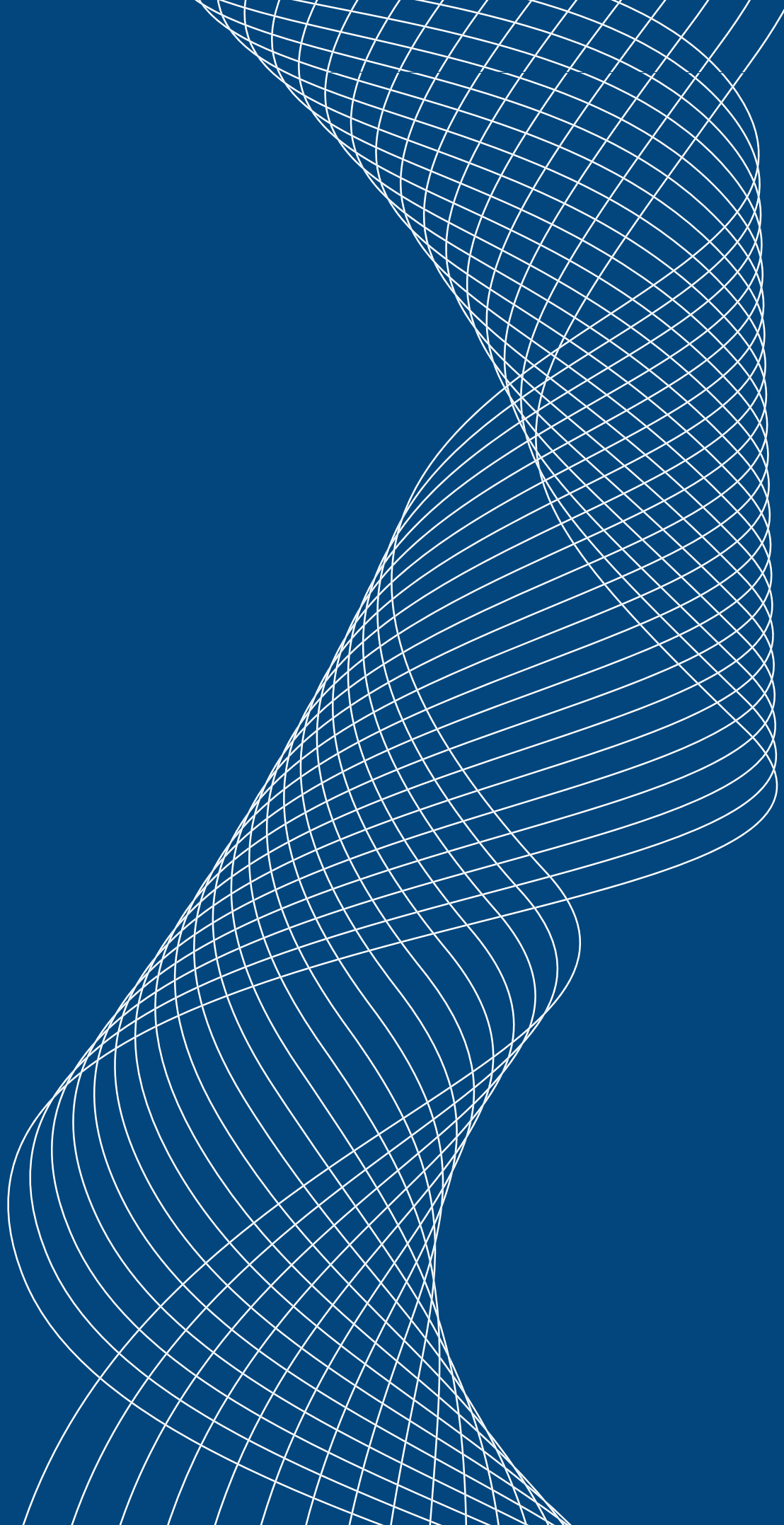
Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2019 - 2020

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hương Ngân		1.717.832	21,47%	2.568.442	32,11%	Mua cổ phiếu
2	Hoàng Kiều Phong		0	0,00%	804.226	10,05%	Mua cổ phiếu
3	Tôn Thất Mạnh		84.640	1,06%	0	0 %	Bán cổ phiếu
4	Nguyễn Thị Diệu Lan	Vợ ông Tôn Thất Mạnh	132.000	1,65%	0	0 %	Bán cổ phiếu
5	Nguyễn Trường Khoa	Con rể ông Tôn Thất Mạnh	168.940	2,11%	0	0 %	Bán cổ phiếu
6	Phạm Minh Tuyển		27.748	0,35%	0	0 %	Bán cổ phiếu
7	Nguyễn Tôn Nhân		10.226	0,13%	6	0 %	Bán cổ phiếu
8	Nguyễn Tôn Hào Như	Chị ông Nguyễn Tôn Nhân	3.540	0,04%	0	0 %	Bán cổ phiếu
9	Nguyễn Tôn Nghiêm	Em ông Nguyễn Tôn Nhân	1.016	0,01%	6	0 %	Bán cổ phiếu
10	Nguyễn Tôn Diễm Nhã	Em ông Nguyễn Tôn Nhân	371.718	4,65%	0	0 %	Bán cổ phiếu
11	Trần Thị Mỹ Thạnh		2.000	0,03%	0	0 %	Bán cổ phiếu



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

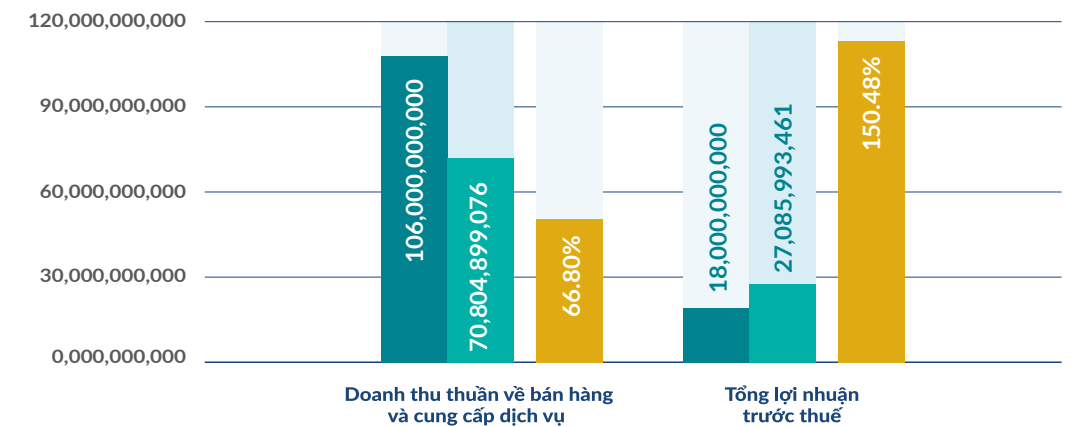
Danh sách	Chức danh	Trình độ văn hóa	Số cổ phần năm giữ (NAV)	Tỷ lệ	Trình độ chuyên môn	Tham gia	Các chức danh khác
BAN KIỂM SOÁT							
Ông Nguyễn Ngọc Phi	Trưởng BKS	12/12	0	0 %	Đại học	Không điều hành	
Ông Nguyễn Tôn Nhân	TV BKS	12/12	6	0 %	Cử nhân TCKT Trường ĐH Thủy Sản	Không điều hành	BKS CTCP Phát Triển Sài Gòn
Ông Nguyễn Đình Minh	TV BKS	12/12	0	0 %	Đại học Kinh tế	Không điều hành	Trưởng BKS CTCP Phát triển Sài Gòn

2. GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020	Thực hiện 2020	% So Nghị quyết ĐHĐCĐ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106,000,000,000	70,804,899,076	66.80%
Tổng lợi nhuận trước thuế	18,000,000,000	27,085,993,461	150.48%

Qua số liệu báo cáo, Ban điều hành công ty đã hoàn thành nhiệm vụ của ĐHĐCĐ 2020



3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2020

Năm 2020, BKS tham gia tích cực cùng các chuyên viên phân tích sự biến động của hoạt động tài chính công ty.

Ban Kiểm Soát đã xem xét các vấn đề:

- Theo dõi tích cực các khoản phải thu, khả năng thu hồi, trích lập dự phòng tài chính, và xử lý dự phòng nợ khó đòi
- Kiểm kê tài sản định kỳ và lập các bút toán điều chỉnh sau khi đánh giá lại giá trị thực tế với giá trị sổ sách, trích lập giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển

Ban Kiểm Soát:

- Thống nhất các số liệu và chỉ số kinh tế trong phần báo cáo của Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát tham gia góp ý về tính pháp lý trong việc triển khai các quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thuộc lĩnh vực tài chính, phòng ngừa rủi ro và các vấn đề được tham khảo ý kiến.
- Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên tại văn bản số A0620243-R/AISC-DN6 ngày 01/03/2021 về Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

- Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc phù hợp với Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính sau:
 - Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Giám sát thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - Chấp hành các qui định về nghĩa vụ công bố thông tin
- HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và yêu cầu Ban điều hành công ty thực hiện công bố thông tin kịp thời.

5. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Năm 2020, HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát nắm bắt các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

6. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- a) Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ 2020 và của HĐQT theo chức năng và thẩm quyền.
 b) Thông qua nghiệp vụ giám sát tài chính công ty, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã nhận diện các hạn chế, tồn tại trong qui chế quản trị công ty, chỉ đạo các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục tình trạng hạn chế và nâng cao hiệu quả điều hành.
 c) Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

- Điểm đặc biệt trong năm tài chính thể hiện :

Chỉ tiêu	TH 2019	TH 2020
Tổng giá trị tài sản	187,351,156,939	180,525,356,379
Doanh thu thuần	105,232,335,620	70,804,899,076
Giá vốn hàng bán	99,806,127,541	59,211,653,764
Lợi nhuận gộp	5,426,208,079	11,593,245,312
Lợi nhuận trước thuế	14,417,518,387	27,085,993,461
Lợi nhuận sau thuế	14,417,518,387	24,714,097,673
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18.02%	30.89%

Qua kết quả kiểm toán, tiết giảm chi phí hoạt động và gia tăng tích lũy gửi ngân hàng khi chưa có nhu cầu sử dụng và thu nhập đến từ khoản vốn đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần phát triển Sài Gòn tác động mạnh đến lợi nhuận sau thuế 2020

7. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực làm việc, có trách nhiệm trong việc kiểm soát, duy trì sự ổn định, tập trung chuẩn bị các điều kiện sẵn có chuẩn bị cho các dự án tương lai.

Chuẩn bị các tiền đề triển khai dự án:

1. Tập trung công tác xúc tiến Hợp đồng thuê đất của Công ty với Sở Tài Nguyên Môi Trường
2. Lập Báo cáo tiền khả thi và luận chứng kinh tế kỹ thuật cho các mục tiêu kinh doanh gắn liền Kế hoạch phát hành huy động vốn.

8. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG

Họ tên	Thù lao năm 2020 HĐQT & BKS	Lương thực nhận 2020	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Bà Nguyễn Thị Hương Ngân	65.756.205		Chủ tịch
Ông Tôn Thất Mạnh	97.487.977		
Ông Đào Nguyên Thoại	97.487.977		
Ông Hoàng Kiều Phong	65.756.205		
Ông Nguyễn Minh Triết	59.409.851		
(*) Ông Nguyễn Quang Hưng	38.078.126		Thôi tham gia HĐQT từ ngày 01.07.2020
BAN KIỂM SOÁT			
Ông Nguyễn Ngọc Phi	97.487.977		Trưởng BKS
Ông Nguyễn Tôn Nhân	97.487.977	282.000.000	
Ông Nguyễn Đình Minh	97.487.977	120.000.000	
BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY			
(*) Ông Tôn Thất Mạnh		598.996.905	TGD đến 30/9/2020
Ông Hoàng Quốc Khánh		173.552.250	TGD từ 01/10/2020
Bà Trần Thị Mỹ Thạnh		429.000.000	Người phụ trách QTCT Kế toán trưởng

V **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ HUY ĐỘNG VỐN 2021 - 2025**

Để thỏa các điều kiện công ty làm chủ đầu tư dự án khu phức hợp thương mại căn hộ tại 18F Tầng Nhơn Phú Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức

1. Chờ công bố quy hoạch sử dụng đất 1/2000 tại khu vực
2. Công ty ký được Hợp đồng thuê đất tại khu vực
3. Công ty chuẩn bị các điều kiện cần khi đã đạt được chấp thuận 1 và 2, tiến hành ký kết HĐ tư vấn với DN chuyên nghiệp có kinh nghiệm, lập Luận chứng kinh tế kỹ thuật, phát hành chứng khoán và xúc tiến cùng các định chế tín dụng tài trợ vốn kế hoạch trung và dài hạn.

Nhiệm kỳ 2021- 2025 cần chuẩn thuận chủ trương của ĐHĐCĐ:

Chuẩn bị tính pháp lý cho quy hoạch 1/500 dự án khu phức hợp thương mại căn hộ tại 18F Tầng Nhơn Phú Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức.

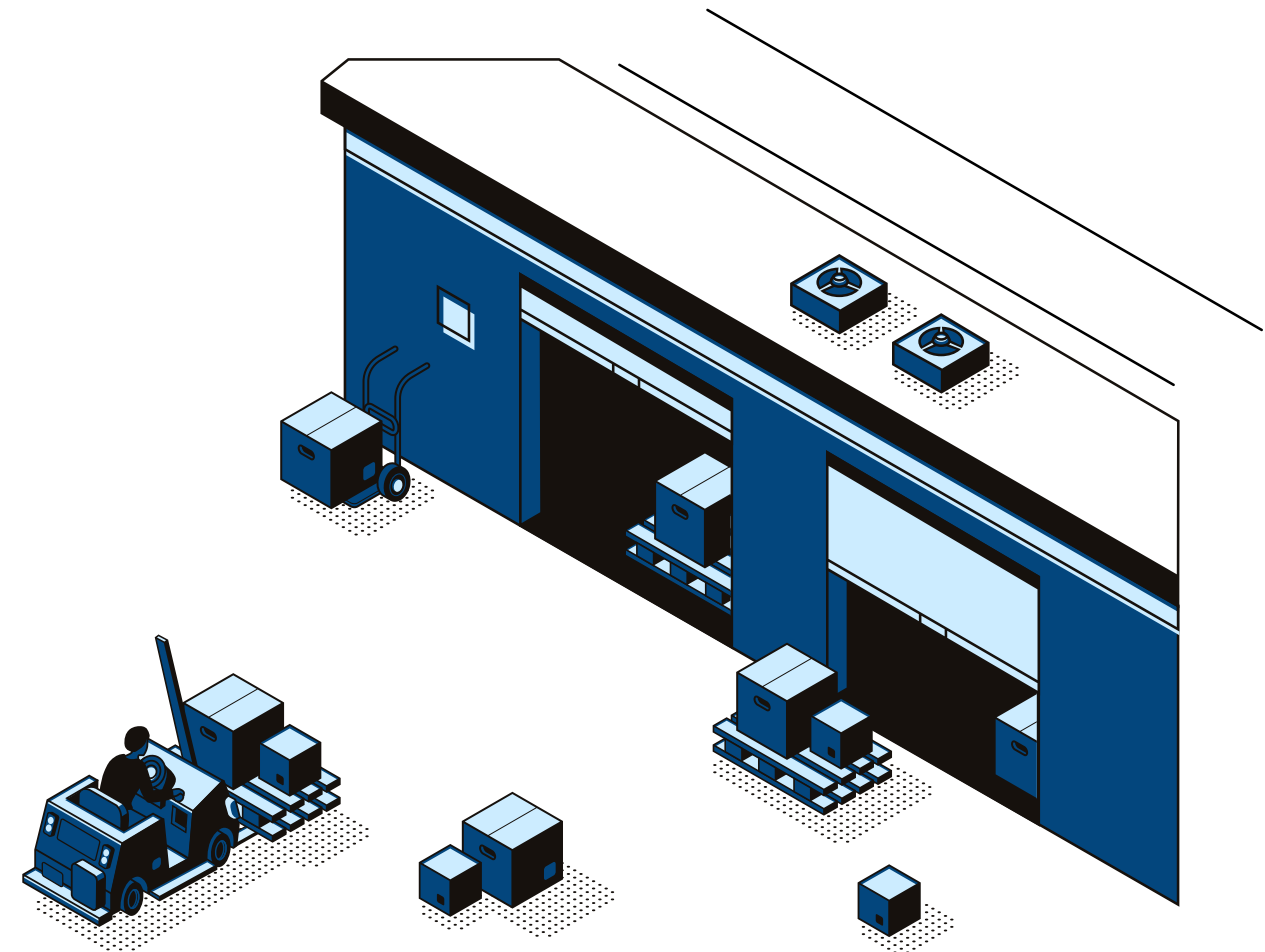
- Công ty cần có nguồn vốn sở hữu đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên Tổng mức đầu tư dự án theo quy định của pháp luật (thông qua kênh huy động vốn trên sàn giao dịch chứng khoán.)
- Nguồn tài trợ còn lại của dự án thông qua khoản vay trung và dài hạn từ Ngân hàng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành trong vòng 3 năm.

KẾ HOẠCH NÂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Mục đích huy động: Đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu tham gia trên Tổng mức đầu tư dự kiến.
- Ngân hàng tài trợ vốn vay cũng là Ngân hàng bảo lãnh phát hành.

PHƯƠNG THỨC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá cổ phần 10.000đ



VII. KẾ HOẠCH NĂM 2021

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% So Nghị quyết ĐHĐCĐ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70,804,899,076	26,000,000,000	36.72%
Tổng lợi nhuận trước thuế	27,085,993,461	18,000,000,000	66.46%

1. CÔNG TY TIẾP TỤC THỰC HIỆN

- Phân loại, đánh giá tài sản quản lý
- Tiến hành các thủ tục ghi nhận tài chính dự phòng
- Tích cực giải quyết nguồn vật tư nguyên liệu, thành phẩm chậm luân chuyển, kém phẩm chất.
- Tiến hành các thủ tục và thực hiện việc gia hạn hợp đồng thuê đất và phối hợp triển khai Phương án khai thác kinh doanh địa ốc tại địa điểm 18F Tầng Nhơn Phú

2. KẾ HOẠCH TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ CHI CỔ TỨC NĂM 2021

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4% lợi nhuận sau thuế.
- Mức chi cổ tức năm 2021 bằng tiền: 15 % mệnh giá cổ phiếu

3. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021: 3% lợi nhuận sau thuế và sau trích lập Quỹ.



VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2001 (số đăng ký kinh doanh: 4103000281), đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lý do: thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc cơ khí. Thi công xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1, Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản). Thiết kế: kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (việc cung cấp dịch vụ cần tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn - không hoạt động tại trụ sở).

Mã chứng khoán niêm yết: Niêm yết tại sàn HOSE, mã chứng khoán: NAV

Trụ sở chính: 18F Tầng Nhơn Phú, Khu phố 4, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp. HCM.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Hương Ngân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 25/05/2020)
Ông Tôn Thất Mạnh	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Ông Đào Nguyên Thoại	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên Hội đồng Quản trị - thôi tham gia HĐQT ngày 01/07/2020
Ông Nguyễn Minh Triết	Ủy viên Hội đồng Quản trị - Bổ nhiệm ngày 05/09/2020
Ông Hoàng Kiều Phong	Ủy viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 25/05/2020)

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Ngọc Phi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đình Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Tôn Nhân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Hoàng Kiều Phong	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 05/02/2021
Ông Hoàng Quốc Khánh	Tổng Giám đốc - Bãi nhiệm ngày 05/02/2021
Ông Tôn Thất Mạnh	Tổng Giám đốc - Bãi nhiệm ngày 01/10/2020
Ông Phạm Minh Tuyển	Phó Tổng Giám đốc - chấm dứt HĐLĐ từ ngày 31/10/2020
Bà Trần Thị Mỹ Thạnh	Kế toán trưởng kiêm phụ trách quản trị Công ty

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Bà Nguyễn Thị Hương Ngân Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Kiều Phong

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A0620243-R/AISC-DN6

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**, được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KIỂM TOÁN VÀ
DỊCH VỤ TÍN HỌC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 3 - T. HỒ CHÍ MINH

Huyền Diệu Phụng

Số GCNDKHNKT: 1269-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN



Tạ Văn Giới

Số GCNDKHNKT: 3497-2021-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134,548,603,842	133,001,527,560
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37,539,456,230	3,245,292,406
1	Tiền	111		2,243,703,330	3,245,292,406
2	Các khoản tương đương tiền	112		35,295,752,900	0
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	65,000,000,000	87,000,000,000
1	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65,000,000,000	87,000,000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,234,831,001	23,310,756,162
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4,449,125,288	8,105,241,589
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	300,091,944	725,701,184
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	166,301,000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12,805,017,703	14,632,916,323
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4	-319,403,934	-319,403,934
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.8	13,551,351,360	16,361,016,388
1	Hàng tồn kho	141		16,926,140,213	19,933,339,080
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-3,374,788,853	-3,572,322,692
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1,222,965,251	3,084,462,604
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	209,653,483	54,781,224
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,013,311,768	2,600,136,386
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	0	429,544,994
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp Theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45,976,752,537	54,349,629,379
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,478,652,537	12,407,004,230
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4,478,652,537	12,407,004,230
- Nguyên giá	222		20,215,523,583	57,418,153,730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,736,871,046)	(45,011,149,500)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		900,098,950	900,098,950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(900,098,950)	(900,098,950)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	-	444,525,149
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	444,525,149
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	41,498,100,000	41,498,100,000
1 Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		11,498,100,000	11,498,100,000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30,000,000,000	30,000,000,000
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180,525,356,379	187,351,156,939

Nguồn vốn	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69,289,893,954	81,489,673,311
I. Nợ ngắn hạn	310		62,778,493,954	78,414,823,311
1 Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	1,680,189,746	11,565,920,129
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,111,672,548	3,948,597,125
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	664,720,918	721,131,317
4 Phải trả người lao động	314		903,018,747	3,938,249,062
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	764,666,066	1,577,873,652
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	573,844,194	199,054,194
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	56,637,730,515	55,734,968,490
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		442,651,220	729,029,342
13 Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6,511,400,000	3,074,850,000
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	6,511,400,000	3,074,850,000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9 Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp Theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nguồn vốn	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111,235,462,425	105,861,483,628
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	111,235,462,425	56,362,596,675
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ	415		(190,000)	(190,000)
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		12,243,398,279	12,243,398,279
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18,992,254,146	13,618,275,349
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,618,305,349	4,992,616,832
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,373,948,797	8,625,658,517
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180,525,356,379	187,351,156,939

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70,804,899,076	105,232,335,620
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	70,804,899,076	105,232,335,620
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	59,211,653,764	99,806,127,541
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11,593,245,312	5,426,208,079
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	25,362,680,775	20,362,771,284
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	700,698	4,537,732
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7	1,704,951,284	2,714,007,816
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10,539,709,387	8,953,336,893
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		24,710,564,718	14,117,096,922
11 Thu nhập khác	31	VI.8	4,951,747,368	2,298,311,534
12 Chi phí khác	32	VI.9	2,576,318,625	1,997,890,069
13 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2,375,428,743	300,421,465
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27,085,993,461	14,417,518,387
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2,371,895,788	0
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		24,714,097,673	14,417,518,387
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2,963	1,800
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	2,963	1,800

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Thanh

Trần Thị Mỹ Thanh



Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Trần Thị Mỹ Thanh

Trần Thị Mỹ Thanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi Tiêu	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		27,085,993,461	14,417,518,387
2 Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	2,092,247,562	2,938,486,389
- Các khoản dự phòng	03		(197,533,839)	2,235,566,546
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(14,369,290)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29,259,920,597)	(20,710,565,058)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		444,525,149	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		165,311,736	(1,133,363,026)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		7,647,004,768	(780,126,027)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		3,007,198,867	7,974,638,913
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(15,921,126,787)	7,842,849,316
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(154,872,259)	1,720,144,737
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1,510,711,234)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,767,194,909)	15,624,143,914
II. Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Đầu Tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(2,766,638,023)
2 Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		9,733,508,134	373,909,090
3 Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100,000,000,000)	(117,000,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		122,000,000,000	94,000,000,000
5 Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		25,807,806,599	13,761,945,416
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		57,541,314,733	(11,630,783,517)

Chi Tiêu	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Tài Chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16,479,956,000)	(4,799,988,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,479,956,000)	(4,799,988,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		34,294,163,824	(806,627,603)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3,245,292,406	4,037,550,721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	14,369,290
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	37,539,456,230	3,245,292,406

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Thị Mỹ Thạnh

TP. HCM ngày 01 tháng 03 năm 2021

Trưởng Giám đốc



Hoàng Kiều Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2001 (số đăng ký kinh doanh: 4103000281), đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lý do: thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính: 18F Tầng Nhơn Phú, Khu phố 4, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp. HCM.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc cơ khí. Thi công xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1, Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản). Thiết kế: kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (việc cung cấp dịch vụ cần tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn - không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 115 nhân viên)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ: Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn.

Địa chỉ: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

Hoạt động chính:

Sản xuất kinh doanh các loại xi măng và các vật liệu kết dính. Kinh doanh, sản xuất các sản phẩm đồ gỗ và chế biến gỗ nguyên liệu, Dịch vụ cảng sông nội địa, Hợp tác sản xuất bê tông tươi

Vốn điều lệ

45000000000

Tỷ lệ sở hữu

38.33%

Tỷ lệ quyền biểu quyết

38.33%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ của các giao dịch bằng ngoại tệ (ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền gửi không kỳ hạn, vay ngân hàng, các khoản phải thu) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2020: 22.995 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2020: 23.195 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao

dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, được xác định căn cứ theo lãi suất thị trường.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:

dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu,

nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất

kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình là phần mềm	3 - 8 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới cải tạo, mở rộng công trình như: chi phí xây dựng nhà máy và lắp đặt các thiết bị phụ trợ phục vụ sản xuất.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, trang phục lao động, công cụ dụng cụ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

từ 12 tháng đến 36 tháng.

Quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm số 846/HĐTĐ-DKKTD ngày 21/06/2006 đã hết hạn vào thời điểm 31/12/2020. Tới thời điểm lập báo cáo, Công ty đang làm thủ tục để xin gia hạn quyền thuê đất và chuyển đổi công năng nhà xưởng, lập dự án khu dân cư trên phần đất nhà máy cũ tại số 18F Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên

quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 “ Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí tiền điện, chi phí lãi vay, chi phí sản xuất... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho giá trị hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kho nhưng chưa hoàn thành trong kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa

mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ. - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp Theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh

lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Niên độ kế toán năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế TNDN theo nghị quyết 116/2020/QH14 của Quốc Hội

Công ty được thanh tra kiểm tra thuế đến năm 2018.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản

đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, vay ngân hàng.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2020



NAVIFICO/ CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ 18F Tầng Nhơn Phú, P. Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại (84)28 3728 2102 Số fax (84)28 3731 3641

Website www.navifico.vn - Mail: naviinfo@navifico-corp.com
